

Chủ nghĩa duy vật văn hóa của R. Williams

PHƯƠNG LỰU

LTS: Trong nền lý luận phê bình văn nghệ phương Tây hiện đại (kể cả hậu hiện đại) có một hiện tượng đặc biệt là khuynh hướng theo chủ nghĩa Mác phương Tây (Western marxism) với đặc trưng cơ bản là không theo chủ nghĩa Lênin. Cho dù như đây là tư tưởng tư sản thuần túy thì bây giờ chúng ta cũng đã phải gạn khơi để mà hấp thu rồi. Huống chi đây không phải là những người nguy trang để đối nghịch, mà là chân thành đi theo chủ nghĩa Mác. Họ quán triệt tư tưởng Mác, Ăngghen về mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống, thiên chức xã hội của nghệ thuật, sự kết hợp hai nguyên tắc thẩm mỹ và lịch sử trong bình giá nghệ thuật... Tất nhiên đây chưa phải là chủ nghĩa Mác-Lênin, cho nên có thể có nhiều luận điểm khó chấp nhận, nhưng chắc chắn có hàm chứa nhiều hạt nhân hợp lý có thể hấp thu như chúng ta đã từng thể nghiệm với trường hợp của G.Lukacs, người mở đầu cho trào lưu lý luận này. Thế hệ những nhà mácxít phương Tây gần đây, như T.Eagleton, F.Jameson, R.Williams..., lại chuyển sang lĩnh vực văn hóa. Dưới đây chúng tôi giới thiệu *Chủ nghĩa duy vật văn hóa* của R.Williams

R.Williams sinh ngày 31-8-1921 trong một gia đình viên chức hỏa xa ở vùng biên cương nước Anh. Năm 1939 được học bổng vào Đại học Cambridge, bắt đầu tiếp xúc với chủ nghĩa Mác và đã gia nhập Đảng Cộng sản Anh. Năm 1941, đi quân dịch, phục vụ trong sư đoàn cận vệ chống tăng, với quân hàm thượng úy. Năm 1945, ông giải ngũ, nhưng không sinh hoạt đảng nữa, tiếp tục học đại học và năm 1946 đã đạt học vị thạc sĩ văn chương, được giữ lại trường làm giáo viên phụ đạo, đến năm 1961 trở thành nghiên cứu viên của trường. Từ năm 1967-1974 được phong là giảng sư Đại học Cambridge, và chính trong thời gian này ông đã chuẩn bị luận án tiến sĩ và bảo vệ thành công vào năm 1969. Từ năm 1974, ông chính thức trở thành giáo sư của Đại học Cambridge, và đến năm 1980 còn tiếp tục được phong tặng học vị Tiến sĩ danh dự và Viện sĩ ở các trường Đại học bên ngoài. Năm 1988, ông lâm trọng bệnh, qua đời.

Sau sự kiện Hungari năm 1956 giới học giả mácxít Anh hết sức dao động. Một bộ phận trí thức ly khai đảng, và hình thành phái tả ngoài đảng, R.Williams liền trở thành lãnh tụ tinh thần của học phái mácxít kinh viện này. Ông đã nghiên cứu một cách hệ thống các công trình của G.Lukacs, A.Gramsci, J.P.Sartre, L.Goldmann, và tranh luận với L.Althusser, từ đó hình thành nên quan niệm “chủ nghĩa duy vật văn hóa” (cultural materialism). Mặc dù trong thời trai trẻ đã tiếp xúc với chủ nghĩa Mác và gia nhập đảng Cộng sản, nhưng về văn hóa văn nghệ, thì R.Williams chịu ảnh hưởng quan điểm của F.R.Leavis thiên về loại văn hóa cao nhã phi công lợi. Đến đây tư tưởng văn hóa của R.Williams mới chuyển sang chủ nghĩa Mác, tất nhiên là chủ nghĩa Mác phương Tây.

Chủ nghĩa duy vật văn hóa được hình thành trong 3 công trình: *Văn hóa và xã hội từ 1780-1950* (1958), *Cách mạng lâu dài* (1961), *Chủ*

nghĩa Mác và văn học (1977),... Nhưng thật ra R. Williams còn viết nhiều về chính trị, xã hội, mỹ học, lý luận phê bình nghiên cứu văn học, cùng các loại hình nghệ thuật khác: *Truyền thanh* (1962), *Nông thôn và thành thị* (1973), *Truyền hình, hình thức của kỹ thuật và văn hóa* (1974), *Từ điển văn hóa và xã hội* (1976), *Chính trị và văn hóa* (1979), *Văn tuyển về vấn đề chủ nghĩa duy vật và văn hóa* (1980), *Đọc và bình luận* (1950), *Từ Ibsen đến Eliot* (kịch) (1952), *Kịch trong diễn xuất* (1954), *Khái luận về điện ảnh* (1954), *Bi kịch hiện đại* (1968), *Tiểu thuyết Anh từ Dickens đến Laurence* (1970),... Ở đây, chủ nghĩa duy vật văn hóa được triển khai trên các bình diện liên đới với nhau là xã hội học, mỹ học và văn hóa học.

1. Xã hội học của chủ nghĩa duy vật văn hóa

Chịu ảnh hưởng chủ nghĩa Mác phương Tây, R. Williams đặc biệt tâm đắc với chủ nghĩa bá quyền văn hóa của A. Gramsci. Nhưng để hình thành nên chủ nghĩa duy vật văn hóa, còn có cả nguồn gốc dân tộc. Số là ngay từ thời sinh viên ở Cambridge, ông có chịu nhiều ảnh hưởng tư tưởng văn hóa của M. Arnold, học giả Anh thế kỷ XIX, cho rằng văn hóa không chỉ là những tri thức trong hoạt động tinh thần, mà còn là bản thân những hoạt động thực tế của loài người. Điều này, theo R. Williams là có chỗ tương đồng với tư tưởng của Mác cho rằng quá trình con người cải tạo thế giới khách quan đi đôi với việc sáng tạo ra bản thân. Từ đây ông mới xây dựng chủ nghĩa duy vật văn hóa nhằm uốn nắn lại chủ nghĩa duy vật lịch sử. Chủ nghĩa duy vật lịch sử cho rằng tồn tại xã hội, cơ sở kinh tế là những cái mang tính thứ nhất, có tác dụng quyết định và được phản ảnh thành ý thức xã hội và thượng tầng kiến trúc, tuy có tính chất tương đối độc lập, nhưng vẫn mang tính thứ hai. Không phản đối sự phân biệt giữa tồn tại xã hội với ý thức xã hội, cơ sở kinh tế với kiến trúc thượng tầng, nhưng R. Williams cho rằng không có sự quyết định một chiều cùng sự phân cấp nhất nhĩ ở đây. Nếu làm như vậy, thì sẽ biến các phạm trù nói trên thành tĩnh tại, ngưng đọng, phi biện chứng. Theo R. Williams, cơ sở kinh tế, tồn tại xã hội, thượng tầng kiến trúc, ý thức xã hội, không phải là những “thực thể” (dù là thực thể tinh thần), mà là những quá trình, luôn luôn tác động qua lại sinh thành lẫn nhau. Có hiểu vấn đề như thế mới đúng tinh thần của phép biện chứng (*Cơ sở kinh tế và thượng tầng kiến trúc trong lý luận văn hóa mácxít*). Nhìn vấn đề động về mặt thời gian, lại càng cần cái nhìn tổng hợp về mặt không gian. Tồn tại xã hội, cơ sở kinh tế với ý thức xã hội và thượng tầng kiến trúc luôn luôn không tách rời như vậy, cho nên cần được tổng hợp nó lại bằng một khái niệm rộng hơn khả dĩ có thể bao hàm cả hai phương diện đó. Ông viết: “Tính phức tạp của khái niệm văn hóa rất đáng chú ý đặc biệt. Nó là một loại danh từ của một quá trình bên trong, đặc biệt là một danh từ lâu nay dùng vào đời sống trí thức và các loại nghệ thuật. Nhưng nó cũng là một loại danh từ chỉ quá trình tổng thể, đặc biệt là danh từ chỉ hình thái cụ thể của mọi phương thức đời sống. Với hàm nghĩa thứ nhất, nó giữ vai trò chính trong các loại nghệ thuật và khoa học nhân văn. Còn với nghĩa thứ hai, nó giữ vai trò chính trong nhân loại học và xã hội học. Mỗi hướng lý giải toan phủ nhận cách sử dụng kia của khái niệm này, mà hoàn toàn không nghĩ

đến việc có thể dung hòa được chăng giữa hai cách hiểu này?" (1). Theo R. Williams có thể vận dụng khái niệm văn hóa của M. Arnold, nhưng cần luận chứng thêm bằng tư tưởng của Mác: "Hạt nhân của chủ nghĩa Mác là đặc biệt coi trọng sự sáng tạo và tự sáng tạo của con người... Về khái niệm tự sáng tạo, thì những nhà tư tưởng tiền mácxít đã mở rộng đến lĩnh vực ngôn ngữ và xã hội loài người, còn chủ nghĩa Mác thì đã vận dụng mở rộng một cách đại quy mô đến quá trình lao động cơ bản, và từ đó vận dụng đến thế giới vật chất đã biến đổi sâu sắc (biến hóa một cách đầy sáng tạo) và vào nhân loại tự mình sáng tạo ra bản thân"(2). Ý của R. Williams muốn nói rằng trước chủ nghĩa Mác đã có sự mở rộng tư tưởng tự sáng tạo của con người ra toàn bộ phương thức sống từ vật chất đến tinh thần của xã hội loài người, mà chủ nghĩa Mác cũng không khác, cho nên có thể khái quát chung những thành quả sáng tạo và tự sáng tạo cả vật chất lẫn tinh thần ấy vào khái niệm văn hóa, nghĩa là tổng hợp cả hai hàm nghĩa vốn có trong trường kỳ lịch sử. Như thế tư tưởng của R. Williams về vấn đề này có thể rút gọn thành công thức: văn hóa = phương thức sống hoàn chỉnh của con người = toàn bộ nội dung của đời sống xã hội. Gắn khớp với nội dung xã hội trọn vẹn như vậy, cho nên quan niệm này về văn hóa là hoàn toàn duy vật. Có điều xã hội không còn được xem như cấu trúc hạ tầng cơ sở và thượng tầng kiến trúc nữa, mà được hình dung chung bằng văn hóa.

2. Mỹ học của chủ nghĩa duy vật văn hóa

Là nhà lý luận phê bình, thậm chí là nhà văn, R. Williams tất yếu sẽ vận dụng chủ nghĩa duy vật văn hóa của mình vào mỹ học, lý luận nghệ thuật, nhất là về văn học.

Trước hết, xuất phát từ văn hóa với tư cách là kết quả của hoạt động sáng tạo và tự sáng tạo của loài người, R. Williams càng đột xuất lên tính chất sáng tạo của văn học nghệ thuật. Đánh rằng về tính sáng tạo này đã được bàn đến, nhất là từ sau mỹ học I. Kant trở đi, nhưng đều được đặt trong hệ quy chiếu của văn hóa tinh thần để đối sánh. Cần phải mở rộng hệ quy chiếu ra toàn bộ nền văn hóa, nghĩa là bao gồm cả văn hóa vật chất, mới thấy hết tính sáng tạo kỳ diệu của văn học nghệ thuật. Ông viết: "Khi chúng ta nói văn học mang tính sáng tạo, điều đó không chỉ vì nó đã nêu ra được những cảnh giới mới về mặt ý thức tư tưởng (đây chỉ là một phần nhỏ trong tổng thể), mà còn là vì trên ý nghĩa của xã hội vật chất, nó đã cung cấp thực tiễn cụ thể trong việc tự sáng tạo của con người"(3). Kể cũng có ý nghĩa khi nghĩ rằng con người vì nhu cầu sinh tồn đã phải sản xuất ra của cải vật chất nay bỗng làm thơ, vẽ tranh, tấu nhạc, thì quả thật là kỳ diệu. Tất nhiên sự suy tưởng phần nào có tính chất "đẩy cánh cửa đã mở sẵn" này, có phần vì quan niệm văn hóa rất rộng của R. Williams, và chẳng trong nghệ thuật cũng có loại thiết dựng như kiến trúc...

Tính sáng tạo của văn hóa nghệ thuật còn biểu hiện ở tính xã hội, tính giao tiếp cao độ của nó. Một đặc điểm của chủ nghĩa duy vật văn hóa là rất coi trọng việc phân tích tính xã hội của đối tượng, bởi vì văn hóa luôn luôn song hành với xã hội. R. Williams cho rằng nghệ thuật, nhất là "viết văn thường là hình thức đột xuất, hoàn chỉnh và lâu dài nhất của nhân

tố xã hội”, bởi vì dạng thức văn hóa này chỉ tồn tại trong sự giao tiếp với xã hội (tha nhân, độc giả). Cho nên “viết văn thủy chung là một loại giao lưu tư tưởng... một sự tổng hợp bản thân và tổng hợp xã hội..., thực chất là một sự cấu tạo lại, vượt ra ngoài mọi hình thức của bản thân”(4).

Với tính sáng tạo vốn có, văn học nghệ thuật sẽ góp phần cải tạo những quan hệ xã hội. R.Williams nói: “Cái gọi là quan hệ xã hội, không phải chỉ là những quan hệ xã hội của cá nhân, mà là những quan hệ xã hội phổ biến được phản ánh trong tác phẩm của một xã hội cụ thể trong một giai đoạn lịch sử cụ thể, là những quan hệ xã hội tổng thể được thể hiện trong tác phẩm nhất định của một giai đoạn lịch sử cụ thể của xã hội như vậy. Còn *phong cách, hình thức, nội dung* của tác phẩm, không còn bị xem là những thứ trừu tượng, mà chính là sự biểu đạt những quan hệ đó... Rồi những quan hệ xã hội này không chỉ được tiếp nhận mà cũng có thể được sáng tạo, hơn nữa thay đổi”(5). Cũng chính trên ý nghĩa này, mà R.Williams xem văn hóa nghệ thuật cũng là một loại hoạt động thực tiễn.

Thứ hai, vận dụng một số thành quả của chủ nghĩa cấu trúc, R.Williams đã chú ý phân tích cả tổng quát lẫn cụ thể những kết cấu văn hóa. Trước hết ông đưa ra khái niệm trung tâm là *kết cấu cảm xúc* (structures of feeling) rồi dựa vào sự thay đổi của nó để thuyết minh cho sự phát triển của hình thức và loại hình của văn học nghệ thuật. Kết cấu cảm xúc là “những thể nghiệm xã hội xác định với những mối liên hệ lịch sử đặc thù”(6). Nó là hình thức biểu hiện “của văn hóa trong một thời đại xác định”, mặc dù không tự hạn chế trong văn học nghệ thuật, nhưng do văn học nghệ thuật là hình thức cao nhất của văn hóa, cho nên “các loại nghệ thuật, kể cả những nghiên cứu tranh luận về chúng, sẽ trở thành một bộ phận quan trọng của nó”. Chủ nghĩa duy vật văn hóa xem kết cấu cảm xúc là kết tinh những thể nghiệm xã hội và tập trung trong văn nghệ. Nó có thể là những thể nghiệm tình cảm “cá nhân, đặc thù, thậm chí cô độc”, nhưng vẫn bao hàm một cách tự nhiên kinh nghiệm phổ biến của nhân loại. Do đó, có thể thông qua những thể nghiệm cá nhân mà nắm bắt, lý giải được cái kết cấu của văn hóa và xã hội nói chung. Đặc biệt văn học có khả năng to lớn trong việc tái hiện những kết cấu cảm xúc để biểu đạt những kinh nghiệm của cộng đồng, bởi vì nó “dùng đời sống ngôn ngữ cùng những hình thức đặc trưng thể hiện một cách sinh động kinh nghiệm của đời sống”(7). Cho nên nghiên cứu kết cấu cảm xúc trong văn học là con đường quan trọng để tìm hiểu văn hóa và xã hội nói chung. Để làm thí dụ, R.Williams đã thử phân tích sự chuyển biến từ chủ nghĩa tự nhiên sang chủ nghĩa biểu hiện trong kịch ở đầu thế kỷ XX. Chủ nghĩa tự nhiên (một cách gọi khác của chủ nghĩa hiện thực theo những khía cạnh nhất định) thường nhận biết và hồi ứng hiện thực, còn chủ nghĩa biểu hiện lại ưa những lối tượng trưng hoặc ảo tưởng, bất mãn và xa lánh đời sống. Từ đó ông cho rằng thời đại của chủ nghĩa tự nhiên là thời đại của xã hội tư bản ổn định (tương đối), nhưng thật ra đã dần dần bộc lộ sự tha hóa và phân liệt, đến lúc cần được chủ nghĩa biểu hiện thay thế để dùng những phương thức thấu thị nhằm bộc lộ những nguy cơ đó,...

R.Williams đề cập đến vấn đề “kết cấu văn hóa của văn nghệ”, tức là những hệ thống quy tắc của một nền văn nghệ nhất định. Ông cho rằng

kết cấu văn hóa nay có hai bình diện: Một là những kết cấu văn hóa của chính thời đại sản sinh ra nền văn nghệ nhất định nào đó. Hai là những kết cấu văn hóa tương đối ổn định vượt ra ngoài một thời đại. Bởi vì như ông đã viết: “Thứ nhất, một hình thức văn học nhất định có những mối liên hệ xã hội và lịch sử rõ ràng với thời đại mà nó sản sinh và hoạt động. Hai là, mọi hình thức văn học, không thể nghi ngờ gì đều có tính liên tục, do đó đủ sức vượt qua những xã hội và thời đại mà chúng có những mối liên hệ nói trên”(8). Do đó, nếu chỉ bám vào đặc điểm thời đại mà phân tích thì sẽ rất phiến diện. R.Williams còn nhận xét rằng: “Một loại kết cấu văn hóa, dựa vào thực tiễn quá khứ, lấy cái gọi là những quy tắc của văn học kinh điển làm cơ sở cho mình, hình thành được một loạt quy tắc vừa rất có ảnh hưởng vừa cũng rất thiếu sức thuyết phục chung, và trong khi giải thích những tác phẩm trước mắt lại quy định luôn thể tài cho những tác phẩm mới về sau”(9). Những kiệt tác văn học nghệ thuật, thật ra phải vừa có tính thời đại vừa siêu thời đại.

Một yếu tố của chỉnh thể tác phẩm nghệ thuật cũng có những bình diện bất biến và khả biến như vậy. Thí dụ về thể tài có ba yếu tố: cơ điệu (những phương thức tự sự, trữ tình, kịch trong việc sáng tạo hình tượng), kết cấu của tác phẩm, những đề tài thích ứng. Hai yếu tố sau, tính khả biến rất lớn, thể hiện đặc trưng của từng thời đại. Còn cơ điệu là tương đối ổn định, thể hiện bản thể trong hoạt động văn nghệ của nhân loại, có thay đổi theo thời đại, nhưng chỉ là ở mức độ và sắc thái mà thôi. Ông viết: “Một loại mô thức của tổ chức cơ điệu, quyết định một hình thức biểu hiện nhất định hoặc là trần thuật một câu chuyện, hoặc là thông qua vai nhân vật để biểu hiện tình tiết, hoặc chỉ trữ tình đơn thuần. Phạm vi lịch sử văn hóa xã hội của nó rất lớn. Nhiều loại văn hóa và thời đại khác nhau có những tác phẩm mang cơ điệu khác nhau, còn những hình thức biến thể qua lịch sử và xã hội trọng đại, thì chủ yếu hoặc toàn bộ chỉ là một vấn đề mức độ”(10).

Chính là có vận dụng chủ nghĩa lịch sử và chủ nghĩa cấu trúc để phân tích như vậy, cho nên mỹ học của chủ nghĩa duy vật văn hóa dần dần trở thành một nhánh của ký hiệu học lịch sử.

3. Văn hóa học của chủ nghĩa hiện thực

Trong công trình *Cách mạng lâu dài* cùng một số chỗ hữu quan trong các sách khác, R.Williams đã khảo sát chủ nghĩa hiện thực châu Âu, từ đó đã hình dung sơ bộ về chủ nghĩa hiện thực trong tương lai.

Thuật ngữ *chủ nghĩa hiện thực* xuất hiện trong nền phê bình Anh vào năm 1856, đã có lịch sử một thế kỷ rưỡi. Theo R.Williams: “Chủ nghĩa hiện thực không phải là một cái gì có thể nghiệm chứng, xác định và lợi dụng..., chi bằng nói nó chỉ là một phương thức (mô tả) một số thái độ và phương pháp viết văn. Những sự miêu tả này dần theo sự giao lưu và phát triển không ngừng, tự nhiên cũng sẽ nảy ra một số thay đổi”(11). Xuất phát từ quan niệm văn hóa chẳng qua là “kết cấu cảm xúc” của xã hội, R.Williams đã lần theo con đường biến hóa của hệ thống văn hóa tư tưởng xã hội, đem sự phát triển của chủ nghĩa hiện thực gắn chặt với những mâu thuẫn đấu tranh trong xã hội. Dù sao ông cũng có một định nghĩa sơ bộ về chủ nghĩa hiện thực là “sự miêu tả có nghệ thuật và sinh động”. Nhưng đó

chỉ là phương pháp, đằng sau đó có chứa đựng một thái độ là phải miêu tả những đề tài phổ biến, đời thường trước mắt. Phương pháp và thái độ viết văn như vậy đã có từ thời Phục hưng, gắn chặt với thời kỳ phát triển của giai cấp tư sản đang lên và được tiếp diễn đến thế kỷ XVIII. Và đến thế kỷ XIX, thành tựu vĩ đại của chủ nghĩa hiện thực là ở chỗ “nó đã tiến hành bình giá với xã hội (lớn hơn bất cứ nhân tố nào tổ thành ra nó), với toàn bộ phương thức sống, đồng thời nó cũng đã đánh giá mọi hoạt động sáng tạo của con người”(12). Trong tác phẩm của chủ nghĩa hiện thực thế kỷ XIX, xã hội, cá nhân, hoàn cảnh đã nhập thành một khối. Xã hội không chỉ là bối cảnh để thuyết minh cho cá nhân, cá nhân cũng không chỉ là tài liệu để nghiên cứu xã hội. Mỗi mặt của đời sống cá nhân đều chịu ảnh hưởng tính chất chung của xã hội, và những phương diện quan trọng chung của đời sống xã hội đều hoàn toàn được triển khai qua cá nhân. Chính vì thế mà có thể nói chủ nghĩa hiện thực thế kỷ XIX đã đạt đến tính hoàn chỉnh trong việc văn hóa biểu hiện xã hội.

Nhưng khi xã hội tư bản trên đà khủng hoảng, thì tự nhiên nổi lên những khẩu hiệu của phong trào văn học tiến bộ và cách mạng. Nhưng với sự lý giải giản đơn về hình thái ý thức và tính đảng, chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa đã không đạt đến đỉnh cao của chủ nghĩa hiện thực tâm lý XIX. R. Williams không phủ nhận tính đảng, mà trong *Chủ nghĩa Mác và văn học* còn chuyên bàn về lập trường nhà văn, và cho đó không gì khác là tính đảng. Song thực tế của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô lại đã đem tính đảng “quy dẫn vào hàng loạt phạm trù chính trị, tức là từ sự nghiệp nhân đạo đến sự nghiệp nhân dân rồi lại đến đường lối (không ngừng biến đổi) của đảng, mà những phạm trù này luôn luôn bị trộn lẫn trong tranh luận cũng như trong can thiệp hành chính”(13).

Dù sao thì đến thế kỷ XX, hình thái lý tưởng của chủ nghĩa hiện thực thế kỷ XIX đã phai dần. Không chỉ thể hiện ở chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, mà chủ nghĩa hiện đại cũng vậy. Tuy nhiên, với thước đo văn hóa theo nghĩa là phương thức sống của xã hội, R. Williams cho rằng tác phẩm của F. Kafka, J. Joyce,... đã đạt nhiều thành tựu lớn trên phương diện miêu tả cá nhân, đã “từ cảm xúc cá nhân mà phản ảnh thế giới, cũng không phải theo lối trần thuật, hoặc giữ một khoảng cách mà được viết theo lối cảm thụ thiết thân... Có điều cái được sáng tác ra không phải xã hội, mà là cá nhân... Nhưng nếu những nhà văn này nói rằng, bản thân xã hội đã trở thành những thứ trừu tượng, khô khan vô vị, thì việc họ không quan tâm đến xã hội, là không nên lấy làm lạ”(14). Nhưng khác với trường phái Frankfurt, R. Williams không liệt F. Kafka, J. Joyce vào chủ nghĩa hiện đại, mà cho nó vẫn là chủ nghĩa hiện thực tâm lý, tái hiện được những sự thực của tâm lý. Chấn bỏ xã hội, họ quay vào tâm lý, nội tâm thuần túy. Tâm lý, nhưng vẫn là chủ nghĩa hiện thực, bởi vì nó phản ánh đúng kết cấu cảm xúc mang tính văn hóa trong xã hội thế kỷ XX. R. Williams có nhận xét chủ nghĩa hiện thực thế kỷ XIX phản ánh “không những cộng đồng người tương kết không phải chỉ một loại quan hệ như công tác, bạn bè, gia đình, mà còn nhiều cộng đồng tương kết với nhiều mối liên hệ tác động qua lại khác nữa, nhưng đến thế kỷ XX muốn tìm

(Xem tiếp trang 34)

Để giải đáp câu hỏi này, cần phải có sự tham gia của các địa phương Tiền Giang, Quảng Ngãi, Long An, Tây Ninh, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP.HCM, là các vùng địa lý lịch sử liên quan đến Trương Định.

Ngày nay, lịch sử đã xác định tầm quan trọng lớn lao của phong trào khởi nghĩa Trương Định và vai trò lịch sử độc đáo của nhân vật lịch sử Trương Định. Tại Nam Bộ đã có 6 di tích về Trương Định gồm lăng mộ, 2 miếu thờ, 1 đình thờ, 2 đền thờ tại Gò Công vốn là cái nôi của phong trào khởi nghĩa Trương Định. Tư liệu lịch sử cũ cho biết một đền thờ Trương Định đã được nhân dân địa phương lập tại làng Tư Cung (Sơn Tịnh) vào năm 1881 cùng với ruộng thờ 5 mẫu công điền.

Quảng Ngãi là nơi sinh của anh hùng Trương Định, là nơi ông sống thời niên thiếu, đến năm 24 tuổi mới vào Gia Định. Thời gian gần 16 năm ông khai hoang lập ấp xây dựng đồn điền dựa vào lực lượng lao động cơ bản là người nghèo khổ cùng quê quán. Tư liệu mới phát hiện cũng hé mở việc Trương Định nhiều lần chuyên chở gạo về quê cứu trợ. Đó là những nội dung rất cần thiết giúp cho việc phục hiện sự nghiệp và hình ảnh chân thực của người anh hùng.

Việc xúc tiến xây dựng đền thờ anh hùng dân tộc kiệt xuất Trương Định tại Tịnh Khê nơi ông sinh ra và lớn lên là đáp ứng mong đợi thiết tha của nhân dân Nam Bộ và đồng bào cả nước ▽

L.S

CHỦ NGHĨA DUY VẬT...

(Tiếp theo trang 26)

những cộng đồng tương kết như vậy rất khó khăn”(15). Sự cảm nghiệm về mối quan hệ giữa người và người trong thế kỷ XX là đơn lẻ, rời rạc và rời rã. Không phải ngẫu nhiên mà tiểu thuyết thế kỷ XIX thường kết thúc với những chuyện định cư, hôn ước hoặc là chính thức hóa những quan hệ, còn kết thúc tiểu thuyết thế kỷ XX lại thường là một con người, sau khi đã tự giải phóng ra khỏi địa vị bị thống trị, để tự biểu hiện bản thân, thế rồi ra đi một mình”(16). Cái kết cấu cảm xúc của con người thế kỷ XX là luôn luôn muốn chối bỏ, ra sức thoát khỏi những ràng buộc và áp chế của xã hội.

Trong việc đánh giá chủ nghĩa hiện đại thế kỷ XX, thường xuất hiện những đối cực, hoặc hoàn toàn phủ nhận hoặc ngược lại. Ngay trong chủ nghĩa Mác phương Tây cũng vậy, như giữa G.Lukacs với trường phái Frankfurt... Cũng với tư cách nhà mỹ học mácxít phương Tây, sự đánh giá của

R.Williams có sắc thái khác. Ông khẳng định mạnh mẽ tính chất hiện thực trong tác phẩm của F.Kafka, J.Joyce, nhưng đồng thời cũng cho rằng chủ nghĩa hiện đại được sản sinh ra trong một xã hội tha hóa, cần được thay đổi. Xã hội phải biến đổi, văn hóa, văn học cũng không thể khác. Và chủ nghĩa hiện thực trong tương lai sẽ đều phải kế thừa những mặt mạnh trong chủ nghĩa hiện thực “xã hội” thế kỷ XIX và chủ nghĩa hiện thực “tâm lý” thế kỷ XX ▽

P.L

1, 2, 4, 5, 6, 7, 8. Chu Lập Nguyên (cb). *Mỹ học thế kỷ XX*, Nxb Văn nghệ Thượng Hải, tập II, tr.584, 587, 588, 589.

3, 9, 11, 12, 14, 16. *Văn tuyển mỹ học mácxít phương Tây*, Nxb Ly Giang, 1988, tr.639, 643, 648, 654, 655, 658.

10, 13, 15. Phùng Hiến Quang. *Nghiên cứu mỹ học mácxít phương Tây*, Nxb Trùng Khánh, 1997, tr.448, 378, 453.